BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Quyết định số:1152/QĐ-ĐHQN ngày14 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Quy Nhơn
V/v thực hiện chế độ miễn, giảm học phí đối với sinh viên)

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
1	40	4051050128	Nguyễn Thanh	Phong	26/11/1999		Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Con TNLĐ	5.850.000	Giảm 50%	2.925.000	
2	40	4056080032	Bùi Vũ Hoàng	Nhi	02/01/1999		Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
3	40	4056120052	Lê	Hoàng	08/03/1999		Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
4	40	4054010093	Hồ Quỳnh	Nam	20/10/1999		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
5	41	4156120177	Trịnh Nguyên	Hùng	05/11/1997		Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
6	42	4251050017	Phạm Minh	Dân	25/02/2001		Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Con TNLĐ	5.850.000	Giảm 50%	2.925.000	
7	42	4252060011	Võ Thị Minh	Thư	11/10/2001		Quản lý TN & MT	Khoa học Tự nhiên	Con TNLĐ	5.850.000	Giảm 50%	2.925.000	
8	42	4256120012	Nguyễn Như	Quỳnh	20/09/2001		Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
9	42	4257510092	Trần Hoàng	Phương	17/01/2001		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
10	42	4257510285	Trần Phương	Trà	12/10/2001		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
11	43	4351050063	Nguyễn Hoàng	Hà	05/01/2002		Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Con TNLĐ	5.850.000	Giảm 50%	2.925.000	
12	43	4354040569	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	14/02/2002		Kế toán	Kinh tế và Kế toán	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
13	43	4354030236	Dương Tuấn	Kiệt	11/07/2002		Kinh tế	Kinh tế và Kế toán	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
14	43	4353030042	Lê Đình	Tú	09/09/2002		Nông học	Khoa học Tự nhiên	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
15	43	4356120074	Lê Sinh	Hùng	09/02/2002		Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
16	43	4354060252	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/09/2002		Quản trị DVDL và lữ hành	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TNLĐ	5.850.000	Giảm 50%	2.925.000	
17	43	4354010053	Bùi Tấn	Đại	11/12/2002		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
18	43	4354010385	Hà Thảo	Nguyên	14/02/2002		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
19	43	4354010425	Huỳnh Thị Diễm	Như	17/05/2002		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
20	43	4354050296	Nguyễn Thu	Phương	24/10/2002		Tài chính-Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TNLĐ	4.900.000	Giảm 50%	2.450.000	
21	40	4054040274	Hoàng Thị Xuân	Diệu	28/03/1999	Nùng	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
22	40	4054040234	R'lan H'	Nger	01/01/1998	Jrai	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
23	40	4054040105	Trần Thị Y	Thu	19/02/1999	Giẻ Triêng	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
24	40	4051070069	La Ô Y	Đen	16/11/1998	Ê Đê	KT Điện - Điện tử	Kỹ thuật và Công nghệ	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
25	40	4051070146	Chamaleá Trương	Đỉnh	07/02/1999	Ra-glay	KT Điện - Điện tử	Kỹ thuật và Công nghệ	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
26	40	4051080022	Lê Thanh	Nhân	16/06/1999	Ê Đê	KT Điện tử - TT	Kỹ thuật và Công nghệ	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
27	40	4052030005	Păng Pế Ha	Sơn	22/02/1997	Mnông	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
28	40	4056080080	Y	Dĩ	09/06/1999	Rơ Ngao	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
29	40	4056080058	Hờ	Dưỡng	16/11/1999	Ha Roi	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
30	40	4056080015	Nay H'	Đên	01/08/1997	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
31	40	4056080078	Ksor H'	Ela	01/02/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
32	40	4056080044	Nay	Gum	28/10/1997	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
33	40	4056080052	Phạm Thị	Hạnh	15/02/1999	Hrê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
34	40	4056080030	Rmah	Hậu	22/02/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
35	40	4056080025	Ksor H'	Hoai	27/06/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
36	40	4056080010	Đinh Thị	Kiều	05/11/1999	Hrê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
37	40	4056080057	Đinh Thị Xuân	Ni	21/07/1999	Hrê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
38	40	4056080033	Đinh H'	Nơnh	04/04/1999	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
39	40	4056080060	Tro Thị Thanh	Nụ	26/12/1999	Ra-glay	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
40	40	4056080026	Rơ Ô H'	Nga	06/05/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
41	40	4056080017	Ksơr H'	Nguyệt	19/06/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
42	40	4056080002	Y	Nguyn	07/01/1996	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
43	40	4056080019	Ksor	Phan	18/12/1997	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
44	40	4056080069	Y	Phí	01/09/1999	Xơ Đăng	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
45	40	4056080009	Nay H'	Phôn	26/12/1998	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
46	40	4056080027	Kror H'	Rưp	15/03/1998	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
47	40	4056080046	Y Dang	Tuyết	18/12/1999	Xơ Đăng	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
48	40	4056080076	Phạm Thị Hồng	Thái	28/04/1998	Hrê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
49	40	4056080021	Rơ Ô H'	Uết	18/11/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
50	40	4056080005	Ksor H'	Vinh	06/10/1997	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
51	40	4056080056	Y	Xoắk	17/07/1998	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
52	40	4056110020	Rcăm H'	Bảo	17/07/1999	Ê Đê	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
53	40	4056110021	Ksor H'	Đan	01/02/1998	Jrai	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
54	40	4056110013	Rcom	Lôi	08/09/1999	Jrai	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
55	40	4056110001	H' Ra Lang	Mlô	11/10/1998	Ê Đê	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
56	40	4056110012	Ksor	Nhuy	31/03/1998	Jrai	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
57	40	4056110004	Minh	Sơn	15/05/1999	Ba Na	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
58	40	4056110016	Đinh Thị Huyền	Trang	18/10/1998	Ba Na	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
59	40	4056050015	A	Tuấn	17/07/1999	Xơ Đăng	Tâm lý học giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
60	40	4056060012	Zơ Râm	Oanh	24/08/1998	Cơ Tu	Văn học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
61	40	4056090006		Nhi	04/05/1999	Jrai	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
62	40	4056090034	Y Đương	Tơr	10/10/1998	Mnông	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
63	40	4056090010	Hờ	Tuyền	20/10/1999	Ba Na	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
64	40	4056120039	La O	Anh	13/05/1998	Chăm	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
65	40	4056120081	Phú Thị Lang	Anh	28/03/1999	Chăm	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
66	40	4056120077	Ksor	Chiêu	15/04/1999	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
67	40	4056120141	R' Ô H'	Đuy	03/06/1999	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
68	40	4056120154	Đinh Thị Mỹ	Hoa	03/06/1998	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
69	40	4056120214	Đinh Văn	Hợp	02/09/1996	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
70	40	4056120212	Hồ Tiến	Hùng	15/08/1999	Cor	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
71	40	4056120140	Ksor H'	Liêm	08/05/1999	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
72	40	4056120075		Tai	15/07/1999	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
73	40	4056120218	Đinh Văn	Toàn	03/04/1998	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
74	40	4056120068	Đinh Hoàng	Thanh	01/06/1998	Hrê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
75	40	4056120195	Chư Rum	Thắng	04/01/1999	Triêng	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
76	40	4056120005	La Lan	Thông	18/08/1999	Chăm	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
77	40	4056120030	Đinh Thị	Xuân	15/10/1998	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
78	40	4056120172	Y Ya Ly Rơ	Yam	26/07/1999	Mnông	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
79	40	4056100006	Phạm Văn	Bảo	02/06/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
80	40	4056100045	Y	Bình	22/12/1999	Gié Triêng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
81	40	4056100102	Rơ Lan H'	Byang	20/11/1996	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
82	40	4056100063	Y Thuyên	Byă	01/02/1999	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
83	40	4056100084	Ksor H'	Byơi	15/04/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
84	40	4056100075	Hoàng Văn	Cường	12/08/1999	Nùng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
85	40	4056100062	Y	Chiến	25/02/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
86	40	4056100274	Đinh Y	Chu	08/12/1996	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
87	40	4056100186		Den	06/02/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
88	40	4056100330	Alăng Thị Thu	Diễm	10/08/1998	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
89	40	4056100003	Đinh Thị	Diều	02/12/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
90	40	4056100155	Đinh Thị Mỹ	Diệu	13/12/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
91	40	4056100005	Đinh Văn	Duy	17/07/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
92	40	4056100294	Đinh	Dương	08/09/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
93	40	4056100194	Trần Y Hải	Đăng	12/01/1998	Mnông	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
94	40	4056100093	Ksor H'	Đơm	23/04/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
95	40	4056100183	La Lan Thị	Đơn	19/08/1999	Chăm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
96	40	4056100059	A	Đức	09/07/1998	Xơ Đăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
97	40	4056100130	H' Bôn	Êban	04/07/1998	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
98	40	4056100297	Đinh Thị	Gieo	04/02/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
99	40	4056100131	H'	Hà	18/07/1998	Mạ	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
100	40	4056100007	Đinh Thị	Hạ	02/04/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
101	40	4056100234	Ksor	Hạnh	28/03/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
102	40	4056100317	Ksor H'	Hạnh	01/07/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
103	40	4056100224	Alăng Thị	Hằng	21/07/1999	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
104	40	4056100324	Đinh Thị	Hằng	26/01/1997	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
105	40	4056100086	A Lê Hờ	Hậu	26/06/1999	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
106	40	4056100137	H Bê	Hdruễ	10/10/1999	Mnông	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
107	40	4056100292	Đinh Thị	Hiền	12/07/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
108	40	4056100043	Lê Thị	Hiệp	25/10/1997	Ha Roi	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
109	40	4056100134	Đinh Văn	Hình	14/06/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
110	40	4056100057	Romah H'	Hiu	04/10/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
111	40	4056100255		Hoat	15/08/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
112	40	4056100087	Siu	Hoc	17/07/1997	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
113	40	4056100104	Lê Thị	Huệ	19/06/1998	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
114	40	4056100041	Y	Huệ	01/05/1999	Xơ Đăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
115	40	4056100100	Đinh Xuân	Huy	11/02/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
116	40	4056100142	Rơ Lan	Hương	07/05/1997	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
117	40	4056100241	Nguyễn Thị	Hường	25/11/1999	Tày	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
118	40	4056100298	Đinh Thị	Kiêm	26/06/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
119	40	4056100128	Cao Thuý	Kiều	01/02/1999	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
120	40	4056100068	Đinh Thị Thuý	Kiều	27/11/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
121	40	4056100223	Alăng Thị	Khuyên	11/03/1999	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
122	40	4056100232	Y	Khuyên	30/10/1998	Mơ Nâm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
123	40	4056100202	Brao Thị Bích	Khương	04/05/1999	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
124	40	4056100303	Nay	Lai	19/10/1994	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
125	40	4056100249	Lô Mô Hơ	Lin	01/01/1999	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
126	40	4056100228	Y	Linh	22/07/1999	Xơrá	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
127	40	4056100250	Bo Bo Thị Cao Hồng	Loanh	08/01/1999	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
128	40	4056100014	Ksor H'	Lok	02/12/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
129	40	4056100060	Y	Lôi	06/06/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
130	40	4056100280	Thị	Lợi	21/01/1999	Mnông	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
131	40	4056100077		Lư	00/00/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
132	40	4056100262	Nay H'	Mai	21/09/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
133	40	4056100321	Rơ Châm H'	Mai	11/05/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
134	40	4056100184	Y Gin	Mjâo	02/04/1996	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
135	40	4056100028	H' Kru	Mlô	25/01/1997	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
136	40	4056100046	H' Ra Bel	Mlô	01/08/1996	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
137	40	4056100023	Nay H'	Mua	10/02/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
138	40	4056100348	Siu	Nam	01/03/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
139	40	4056100213	H Loan	Niê	22/04/1999	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
140	40	4056100147	H' Yin	Niê	14/08/1998	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
141	40	4056100314	Nay	Ninh	04/04/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
142	40	4056100205	Rah Lan H'	Nữ	08/03/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
143	40	4056100346	Đinh	Ngờ	11/10/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
144	40	4056100136	Đinh Thị	Nguyệt	20/09/1999	KaDong	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
145	40	4056100035	Y	Nguyệt	24/05/1999	Xơ Đăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
146	40	4056100260	Pơ Loong	Nhãn	15/11/1999	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
147	40	4056100327	Nay H'	Nhe	30/10/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
148	40	4056100158	Đinh Thị	Nhung	12/04/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
149	40	4056100332	Kbôr H'	Như	09/07/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
150	40	4056100078	Nay	Pham	04/11/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
151	40	4056100103	Rơ Lan	Phiên	07/08/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
152	40	4056100201	Rah Lan	Phiết	22/08/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
153	40	4056100251	Ksor	Phong	13/05/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
154	40	4056100058	Hồ Thị	Phụng	02/03/1998	Mnông	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
155	40	4056100073	Rơ Chăm Hờ	Phước	03/06/1999	Ha Roi	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
156	40	4056100148	Tri	Ra	29/11/1999	Trin	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
157	40	4056100356	Ksor H'	Riêm	12/05/1997	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
158	40	4056100319	Phạm Văn	Sa	20/09/1998	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
159	40	4056100038	Nay	Sinh	17/08/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
160	40	4056100113	A	Tân	08/10/1998	Xơ Đăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
161	40	4056100304	Rơ Lan	Teo	04/02/1994	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
162	40	4056100190	Hồ Sỹ	Tiến	06/06/1999	Vân Kiều	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
163	40	4056100080	Xiêng Thanh	Tú	19/07/1999	Triêng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
164	40	4056100069	Nông Văn	Tùng	27/10/1999	Nùng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
165	40	4056100259	Đinh Thị	Tuyết	06/08/1997	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
166	40	4056100347	Đinh Văn	Tư	20/02/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
167	40	4056100030	Nay	Tức	01/01/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
168	40	4056100164		Thai	22/07/1998	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
169	40	4056100157	Trần Phương	Thảo	31/08/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
170	40	4056100276	Ca Thị	Thắm	03/12/1999	Trin	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
171	40	4056100305	Đinh Văn	Thích	27/07/1998	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
172	40	4056100167	Y	Thơ	22/10/1999	Hà Lăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
173	40	4056100015	Hờ Thị	Thu	10/12/1999	Ha Roi	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
174	40	4056100318	Ksor H'	Thu	20/03/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
175	40	4056100172	Cao Thị Kim	Thuỷ	10/07/1999	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
176	40	4056100049	Puih	Thương	10/04/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
177	40	4056100178	Nay H'	Tra	02/01/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
178	40	4056100145	Rcom H'	Tre	12/07/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
179	40	4056100085	Đinh Thị	Trới	17/05/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
180	40	4056100097	Đinh Thị Kiến	Trúc	27/01/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
181	40	4056100311	Đinh Văn	Trung	14/11/1996	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
182	40	4056100181	Đinh Văn	Trường	10/06/1998	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
183	40	4056100313	Đinh Thị Ly	Uyên	20/03/1999	KaDong	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
184	40	4056100025	Nàng	Văn	18/06/1999	Brâu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
185	40	4056100174	Cao Thị Ngọc	Vi	03/11/1999	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
186	40	4056100245	Alăng	Vinh	05/12/1999	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
187	40	4056100208	Rcom	Vinh	15/07/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
188	40	4056100001	Đinh	Vui	24/04/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
189	40	4056100020	Cao Huỳnh Khánh	Vy	02/09/1999	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
190	40	4056100343		Xõe	10/03/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
191	40	4056100110	KơPă	Yến	31/08/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
192	40	4056100002	Nay H'	Yuen	14/05/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
193	40	4057510298	Đinh Thị Y	Na	27/11/1999	Hrê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
194	40	4057510283	Y	Nerôs	01/01/1999	Ba Na	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
195	40	4057510067	Y	Sĩu	06/01/1999	Ba Na	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
196	40	4057510195	Siu	Tôma	19/09/1999	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
197	40	4057510361	Kon Sa Đa	Thương	18/09/1997	Cơ Ho	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
198	40	4054010241	Lương Thị Dáng	Ngọc	10/10/1999	Tày	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
199	40	4054050006	Y Blô	Niê	07/10/1998	Ê Đê	Tài chính-Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
200	40	4054050028	Kiều Nữ Hoàng	Uyên	16/10/1999	Chăm	Tài chính-Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
201	41	4151050012	Y Mallôthi	Mlô	22/06/2000	Ê Đê	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
202	41	4151050038	Đinh Thị	Ngọt	10/12/2000	Ba Na	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
203	41	4151050143	Đinh Thị Hạnh	Trang	02/05/2000	Ba Na	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
204	41	4151050194	Lê Anh	Vũ	04/09/2000	Thái	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
205	41	4154040146	Y	Diễm	17/11/2000	Dẻ	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
206	41	4154040126	Siu H'	Won	18/01/2000	Jrai	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
207	41	4154030081	Hồ Thị Kim	Anh	02/03/2000	Co	Kinh tế	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
208	41	4154030070	Hiêng Thị Mỹ	Diệu	04/05/2000	Triêng	Kinh tế	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
209	41	4152030028	Rcơm H'	Amão	14/05/2000	Jrai	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
210	41	4152030027	Rmah H'	Hiêng	29/03/2000	Jrai	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
211	41	4152030026	Rmah H'	Phượng	27/08/2000	Jrai	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
212	41	4152030009	Y	Trần	10/01/2000	Rơ Ngao	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
213	41	4152060024	Kpă	Dũng	22/06/2000	Chăm	Quản lý TN & MT	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
214	41	4152060026	Đinh Xuân	Dương	25/09/1998	KaDong	Quản lý TN & MT	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
215	41	4152060004	Thị	Quê	09/12/1997	Mnông	Quản lý TN & MT	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
216	41	4152060033	Đinh Văn	Sê	06/07/1997	Hrê	Quản lý TN & MT	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
217	41	4156080023	Đinh Thị	Cam	03/10/2000	Hrê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
218	41	4156080008	Rah Lan	Dao	26/03/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
219	41	4156080014	Pi Năng Thị	Dần	15/03/1999	Ra-glay	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
220	41	4156080018	Siu H'	Đoăk	12/04/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
221	41	4156080021	Đinh Thị	Đời	31/12/1999	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
222	41	4156080046	Rcom H'	Ha	22/11/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
223	41	4156080035	Hồ Thị Mỹ	Hậu	26/04/2000	Cor	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
224	41	4156080026	A	Hiệp	08/10/1998	Xơ Đăng	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
225	41	4156080012	Rah Lan H'	Hiệp	06/04/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
226	41	4156080050	Y	Hoang	30/05/2000	Xơ Đăng	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
227	41	4156080024	Đinh Minh	Kiệt	16/07/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
228	41	4156080022	Nay	Khim	20/07/1997	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
229	41	4156080031	Rcom	Khuyên	15/07/1995	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
230	41	4156080054	Y Hồng	Loan	14/08/2000	Triêng	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
231	41	4156080062	Nay H'	Mưc	01/09/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
232	41	4156080025	Mấu Thị Hoài	Mỹ	24/04/2000	Ra-glay	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
233	41	4156080027	H' Nét	Niê	14/11/1999	Ê Đê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
234	41	4156080013	Ksơr H'	Ngôn	31/10/2000	Ê Đê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
235	41	4156080015	Hiao H'	Nguôn	05/04/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
236	41	4156080061	Nguyễn Thị	Nha	13/04/1998	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
237	41	4156080005	R'Ô H'	Nha	06/12/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
238	41	4156080016	Siu H'	Pli	10/07/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
239	41	4156080037	Phạm Thị	Trang	28/09/1999	Hrê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
240	41	4156080055	Rmah Siu	Trường	09/09/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
241	41	4156080040	Lê Thị	Vân	03/03/2000	KaDong	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
242	41	4156080003	Kpă H'	Vơn	12/09/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
243	41	4156130041	Hoàng Thị	Huyền	05/04/2000	Tày	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
244	41	4156130040	Hoàng Thị	Hường	13/05/2000	Tày	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
245	41	4156130048	Ksor H'	Lý	05/01/2000	Jrai	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
246	41	4156110010	Thành Thị Cẩm	Giang	04/06/1999	Chăm	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
247	41	4156110009	H' Nui	Liêng	01/05/1999	Mnông	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
248	41	4156110013	CơLâu Thị Kim	Oanh	02/09/2000	Cơ Tu	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
249	41	4156050004	Ngô Thị Hương	Giang	03/10/1998	Tày	Tâm lý học giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
250	41	4156090080	H' Nel	Niê	14/10/1999	Ê Đê	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
251	41	4156120032	Nay H'	Bí	15/08/1999	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
252	41	4156120222	Ksor Hờ	Dứ	25/11/2000	Ê Đê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
253	41	4156120127	Đinh Xuân	Đỏ	19/01/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
254	41	4156120209	Lê Tiền	Hạ	24/05/1995	Chăm	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
255	41	4156120197	H'	Hiền	05/10/1999	Mạ	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
256	41	4156120107	Ksor	Iran	15/02/1999	Ê Đê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
257	41	4156120082		Kiên	02/12/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
258	41	4156120020	Rơ Ô H	Kiều	31/03/2000	Ê Đê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
259	41	4156120163	Y	Khẻm	15/08/2000	Hà Lăng	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
260	41	4156120212	Ksor Đông	Khuyết	15/10/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
261	41	4156120064	Đinh Thị Ngọc	Liễu	03/01/2000	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
262	41	4156120213	Chamaléa Thị Kim	Loan	16/08/2000	Ra-glay	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
263	41	4156120043	Ksor	Luyên	01/01/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
264	41	4156120063	Rcom H'	Mari	04/12/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
265	41	4156120151	Vũ Thuý	Mơ	25/01/2000	KaDong	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
266	41	4156120046	H Lý	Ndu	08/05/1998	Mnông	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
267	41	4156120207	Adrơng H'	Neo	09/05/1999	Ê Đê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
268	41	4156120155	Rah Lan H'	Nê	27/02/1999	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
269	41	4156120010	Nay Hồng	Ngân	31/05/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
270	41	4156120133	Phạm Văn	Rui	20/11/2000	Hrê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
271	41	4156120045	Đinh Thị Thu	Sin	07/11/2000	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
272	41	4156120029	Ksor H'	Uk	01/03/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
273	41	4156120002	Kpă H'	Ũk	27/07/2000	Ê Đê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
274	41	4156120028	Ksor	Vih	13/05/1998	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
275	41	4156100130		ALi	23/02/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
276	41	4156100015	Đoàn Thanh	An	21/10/2000	Chăm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
277	41	4156100025	Đinh Thị	Ba	18/06/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
278	41	4156100092	Zơ Râm	Bền	13/01/2000	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
279	41	4156100138	Gê Cham	Bình	08/05/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
280	41	4156100056	Pơloong Thị	Bù	27/03/2000	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
281	41	4156100036	Hồ Thị	Bum	03/02/1999	KaDong	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
282	41	4156100069	Đinh Thị Kim	Chi	16/06/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
283	41	4156100014	Ksor H'	Chiêm	08/05/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
284	41	4156100002	Rơ Châm	Chiên	29/09/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
285	41	4156100119	R' Ô	Chương	29/02/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
286	41	4156100052	Rơ Mah	Diệu	09/08/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
287	41	4156100074	Đinh Thị	Duyên	18/11/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
288	41	4156100063	Đinh Thị Kiều	Duyên	07/08/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
289	41	4156100005	Đinh Thị Thu	Đồng	12/01/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
290	41	4156100018	H' Nar	Êban	04/12/2000	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
291	41	4156100106	Ksor	Gưi	29/12/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
292	41	4156100057	Zơ Râm	Hạnh	09/04/2000	Tà Riềng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
293	41	4156100132		Hăl	04/07/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
294	41	4156100103	Puih H'	Hăng	31/07/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
295	41	4156100144	A	Héo	16/04/1999	Xơ Đăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
296	41	4156100109	Đinh Thị	Hiền	29/08/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
297	41	4156100079	Zơ Râm Thị	Hiếu	03/02/2000	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
298	41	4156100129	Siu	Hoa	25/09/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
299	41	4156100037	Đinh Minh	Hoàng	10/04/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
300	41	4156100066	Đinh Thị Ngọc	Hoàng	21/06/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
301	41	4156100084	Hờ	Hương	15/09/2000	Ha Roi	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
302	41	4156100133		Hyâk	00/00/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
303	41	4156100067	Ksơr H'	Kiếp	09/12/1998	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
304	41	4156100123	Phạm Thị	Kiều	20/11/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
305	41	4156100108	Đinh Văn	Khang	01/09/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
306	41	4156100112	Poloong Đại	Khang	19/08/2000	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
307	41	4156100008	Ksor	Khiêm	31/07/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
308	41	4156100006	Rơ Mah H'	Khuyên	29/12/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
309	41	4156100035	A Lê Hờ	Khương	30/08/2000	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
310	41	4156100040	ALăng	Lạng	16/07/2000	Tà Riềng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
311	41	4156100107	Ksor H'	Liêm	16/02/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
312	41	4156100039	Kpă Hờ	Luận	14/01/2000	Chăm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
313	41	4156100078	Sô Lưu	Ly	03/01/2000	Ha Roi	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
314	41	4156100146	Nay H'	Lý	15/03/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
315	41	4156100080	Siu	Maih	16/10/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
316	41	4156100041	H Wi	Mlô	24/06/2000	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
317	41	4156100089	Y	My	05/07/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
318	41	4156100042	H' Mi Mi	Niê	09/11/2000	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
319	41	4156100043	Y	Nương	05/11/2000	Xơ Đăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
320	41	4156100044	Đinh Văn	Nghi	10/01/2000	KaDong	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
321	41	4156100094	Ksor Y	Nho	07/05/1999	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
322	41	4156100038	Puih	Nhơn	03/04/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
323	41	4156100060	Rơ Ô H'	Như	01/01/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
324	41	4156100051	Siu	Pát	13/12/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
325	41	4156100045	Siu	Phiêng	28/05/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
326	41	4156100065	Kpă H'	Phới	30/11/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
327	41	4156100054	Siu	Phủ	04/04/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
328	41	4156100131		Phyon	00/00/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
329	41	4156100114	Phạm Văn	Quyết	09/11/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
330	41	4156100027	Ksor	Sang	25/10/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
331	41	4156100053	Siu H'	Sơlim	13/06/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
332	41	4156100071	Đinh Thị	Sơn	27/09/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
333	41	4156100105	Đinh Văn	Sơn	13/09/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
334	41	4156100072	Đinh Thị	Sương	14/05/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
335	41	4156100019	La Thị	Tâm	25/05/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
336	41	4156100095	Nay	Tâm	29/06/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
337	41	4156100115	Hồ Thị Thuý	Tiên	19/07/2000	Co	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
338	41	4156100096		Tinh	02/07/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
339	41	4156100111	Đinh Thị	Tuyết	25/02/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
340	41	4156100154	Đinh Thị Bích	Tý	22/09/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
341	41	4156100099	Tơ Đên	Thắng	03/09/2000	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
342	41	4156100048	Kpuih	Thâm	17/12/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
343	41	4156100116	Đinh Thị	Then	16/07/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
344	41	4156100022	Hờ	Thể	28/07/2000	Ha Roi	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
345	41	4156100091	Hồ Thị Ngọc	Thìn	01/04/2000	Cor	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
346	41	4156100101	Rơ Mah H'	Viên	20/05/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
347	41	4156100140	Rah Lan H'	Viêng	05/03/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
348	41	4156100029	Rơ Mah	Vương	01/02/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
349	41	4156100081	Cao Vũ Thị Tường	Vy	02/04/1999	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
350	41	4156100001	H	Xen	14/10/1998	Mnông	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
351	41	4156100020	Đinh Thị	Xí	09/04/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
352	41	4156100136	Ksor H'	Yên	26/05/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
353	41	4157510173	Lê Mo Thị	Châu	26/04/2000	Ha Roi	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
354	41	4157510174	Đinh Thị	Chung	28/02/2000	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
355	41	4157510197	Lượng Nữ Hồng	Huyên	08/03/2000	Chăm	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
356	41	4157510176	Ksor H'	Nhan	12/05/2000	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
357	41	4157510142	Ksor H'	Sáu	28/05/2000	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
358	41	4157510241	Niê H	Sila	14/01/1998	Ê Đê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
359	41	4157510302	Đinh Thị Thuý	Tiên	20/02/2000	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
360	41	4157510428	Y Thanh	Thanh	12/06/2000	Ba Na	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
361	41	4157510009	Đinh Thị	Thông	02/04/2000	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
362	41	4157510093	Nông Thanh	Vượng	19/06/2000	Tày	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
363	41	4154010277	Đàm Thế	Cường	14/09/1999	Nùng	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
364	41	4154070065	Tô Thị	Diệu	01/11/2000	Tày	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
365	41	4154070161	Đoàn Thị	Lộc	12/09/2000	Ba Na	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
366	42	4251050001	A Phùng Hoàng	Anh	27/09/2001	KaDong	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
367	42	4251050116	Nay Y	Bô	08/07/2001	Ê đê	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
368	42	4251050140	Hoàng Thị Thuỳ	Linh	11/08/2001	Nùng	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
369	42	4251050035	Ksor H'	Nham	08/02/2000	Jrai	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
370	42	4254040002	Đinh Thị	Hương	10/10/2001	Hrê	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
371	42	4254040006	Rcŏm H'	Liếp	30/01/2001	Jrai	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
372	42	4254040019	H Ra Bi	Mlô	01/02/2001	Ê đê	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
373	42	4254040003	Ksơr Hờ	Nhơn	13/10/2001	Ê đê	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
374	42	4254040016	Rơ Chăm Hờ	Phấn	03/10/2001	Chăm	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
375	42	4254040205	Đinh Thị	Phồng	16/08/2001	Hrê	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
376	42	4254040093	Phạm Thị	Phụng	09/08/2001	Hrê	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
377	42	4254040072	Kpă H'	Rớt	24/10/2000	Jrai	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
378	42	4254040001	Đinh Thị	Tiến	21/06/2001	Hrê	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
379	42	4254030020	Rcom H'	Tuyết	03/04/2000	Jrai	Kinh tế	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
380	42	425L090003	Nhâm Thanh	Nghĩa	15/01/1996	Nùng	CNKT Xây dựng (LT)	Kỹ thuật và Công nghệ	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
381	42	4251160052	Đinh Bình	Chín	04/08/2001	Hrê	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật và Công nghệ	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
382	42	4253030011	Đinh Văn	Siêu	03/07/1996	Hrê	Nông học	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
383	42	4252030007	Phạm Văn	Quý	13/11/2001	Xơ Rá	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
384	42	4256080044	H'	Be	16/04/2000	Mạ	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
385	42	4256080019	Alê H'	Ben	01/11/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
386	42	4256080020	Rơ Ô H'	Bon	21/01/2001	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
387	42	4256080043	Bo Bo Thị	Dung	25/11/2000	Ra-glay	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
388	42	4256080010	Rơ Châm	Hậu	22/10/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
389	42	4256080028	Phạm Thị Yến	Khoa	09/10/2001	Hrê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
390	42	4256080013	Nay H'	Luyết	01/04/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
391	42	4256080005	Đinh Thị	Mai	04/10/2000	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
392	42	4256080001	Rơ Ô H'	Mê	06/11/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
393	42	4256080011	Hoàng Thị	Nụ	11/01/2001	Sán Chi	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
394	42	4256080012	Sầm Thị	Ngân	07/09/2001	Nùng	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
395	42	4256080021	Đinh Minh	Phú	18/04/2001	Hrê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
396	42	4256080032	Kpă H'	Reo	06/09/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
397	42	4256080004	K Pă H'	Tên	28/02/2001	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
398	42	4256080034	Nay H'	Thao	28/08/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
399	42	4256080026	Rơ Châm	Thuy	08/11/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
400	42	4256080027	Đinh Thị	Thuỷ	10/07/2001	Hrê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
401	42	4256080039	Nay H'	Trinh	03/06/2001	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
402	42	4256080009	Ksor	Úc	31/12/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
403	42	4256080031	Đinh Thị	Viên	25/08/2001	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
404	42	4256080003	Rơ Ô H'	Yoar	15/09/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
405	42	4256130041	Rơ Châm	Nông	01/11/2001	Jrai	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
406	42	4256130015	Kpă H'	Quỳnh	10/06/2000	Jrai	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
407	42	4256130001	Quảng Như Phúc	Tạo	01/05/2001	Chăm	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
408	42	4256110005	Đinh Thị	Hương	20/05/1999	Ba Na	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
409	42	4256110008	Ksor	Ling	12/10/2000	Jrai	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
410	42	4256110001	Đinh Thị Diệu	Mến	23/03/2001	Hrê	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
411	42	4256110003	Rô H'	Tiêu	13/07/2000	Jrai	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
412	42	4256110006	Puih H'	Thư	24/05/2000	Jrai	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
413	42	4256050002	Lã Vũ Thành	Đạt	14/07/2001	Jrai	Tâm lý học giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
414	42	4256090028	Vi Vũ	Công	11/10/2001	Tày	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
415	42	4256090003	Hoàng Tiểu	Linh	12/09/2001	Nùng	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
416	42	4256090046		Nội	20/11/2001	Jrai	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
417	42	4256120044	Đinh Trung	An	14/12/2001	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
418	42	4256120149	Siu Si	Bia	07/07/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
419	42	4256120007	Nay Hờ	Biêng	18/03/2001	Ê đê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
420	42	4256120158	Đinh Thị	Cúc	26/08/2001	Hrê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
421	42	4256120154	Alê H'	Điệp	21/08/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
422	42	4256120070	K Sor	Đoanh	27/09/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
423	42	4256120038	Ksor H'	Hiền	30/06/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
424	42	4256120005	Đinh Thị	Hoa	01/11/2001	Hrê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
425	42	4256120008	Đinh Thị	Hồng	20/05/2001	Hrê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
426	42	4256120006	Đinh Thị	Hơn	12/09/2000	Hrê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
427	42	4256120101	B Ling Thị Kim	Hỷ	19/05/2001	Cơ Tu	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
428	42	4256120028	Rmah	Lan	16/07/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
429	42	4256120033	Đinh Thị	Lệ	18/02/2001	Hrê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
430	42	4256120094	So Minh	Linh	16/06/2000	Chăm	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
431	42	4256120057	A Lê	Mấp	01/01/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
432	42	4256120091	Đinh Văn Lý	Nguyện	11/02/2001	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
433	42	4256120067	Đinh Thị	Nhàn	30/07/2001	Hrê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
434	42	4256120025	Ksor H'	Nhin	10/01/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
435	42	4256120072	Vi Đức	Tâm	05/05/1998	Nùng	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
436	42	4256120056	Siu	Tiếng	01/01/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
437	42	4256120155	Ksơr Hờ	Tình	10/05/2000	Ê đê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
438	42	4256120146	Rơ Ô H'	Ty	10/10/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
439	42	4256120034	Đinh Thị	Thời	21/01/2001	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
440	42	4256120035	Đinh Thị	Thứa	12/02/1998	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
441	42	4256120050	Siu H'	Trâm	07/05/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
442	42	4256120058	Rơ Mah Y	Vân	25/11/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
443	42	4256100041	Kpă Y	An	29/03/2000	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
444	42	4256100050	Rah Lan H'	Anh	09/12/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
445	42	4256100066	Nay	Bảo	30/12/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
446	42	4256100028	Rơ Châm	Bân	02/02/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
447	42	4256100012	Alê H'	Bên	22/03/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
448	42	4256100009	Đinh Thị Lệ	Diễm	13/06/2001	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
449	42	4256100067	Phạm Thị	Diên	26/05/2001	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
450	42	4256100019	Hiao H'	Duyên	11/04/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
451	42	4256100015	Rcom H'	Grai	12/06/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
452	42	4256100033	Rơ Lan	Hằng	18/09/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
453	42	4256100046	Đinh Sơn	Huỳnh	26/10/2001	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
454	42	4256100036	Siu Ha Niê	K'Dăm	17/12/2001	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
455	42	4256100070	Đinh Thị Thu	Kiều	30/01/2001	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
456	42	4256100082	Hờ	Kiều	30/12/2001	Ha Roi	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
457	42	4256100085		Kyơn	09/12/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
458	42	4256100069	Đinh Văn	Lên	18/08/2001	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
459	42	4256100016	Rơ Châm	Lina	10/10/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
460	42	4256100058	Kpă Thị Minh	Linh	29/10/2001	Chăm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
461	42	4256100061	Kpuih	Liu	17/03/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
462	42	4256100001	Đinh Hy Hoạ	My	28/03/2001	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
463	42	4256100039	Mấu Thị Thuý	Na	20/04/2001	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
464	42	4256100027	Y Dam Jũ	Niê	22/07/2001	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
465	42	4256100030	Y Lang	Niê	11/11/2000	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
466	42	4256100002	Đinh Thị	Ngân	02/08/2001	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
467	42	4256100064	Nay Hờ	Nhị	22/04/2000	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
468	42	4256100035	Rơ Lan	Như	22/05/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
469	42	4256100031	Ksor H'	Oanh	21/12/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
470	42	4256100014	Siu	Plaih	25/02/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
471	42	4256100017	Rơ Châm H'	Phê	31/01/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
472	42	4256100024	Vi Thị	Phương	14/10/2001	Thái	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
473	42	4256100089	Niê Như	Quỳnh	15/11/2000	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
474	42	4256100086	Kpă H	Sao	10/11/2001	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
475	42	4256100072	Kpă H'	Sinh	25/10/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
476	42	4256100059	Điểu	Tài	22/09/2000	Mnông	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
477	42	4256100090	Rơ Mah H'	Tem	07/08/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
478	42	4256100092	Kpă Y	Tiên	09/09/2001	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
479	42	4256100011	Đinh Thị	Thảo	02/05/2001	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
480	42	4256100079	Rơ Chăm Y	Thắng	23/01/2001	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
481	42	4256100080	Ksor	Thoan	05/11/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
482	42	4256100060	Kpă H'	Thử	03/04/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
483	42	4256100048	Pi Năng	Thức	05/04/2001	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
484	42	4256100013	Y	Thương	19/03/2001	Mơ Nâm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
485	42	4256100054	Rơ Mah	Trang	12/06/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
486	42	4256100063	Phạm Thị	Triết	07/07/2001	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
487	42	4256100010	Rơ Ô H'	Vi	16/09/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
488	42	4256100062	Đinh Quốc	Việt	09/10/2001	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
489	42	4256100074	Đinh Thị Ái	Vy	23/07/2001	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
490	42	4256100003	Đinh Thị	Xeh	27/09/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
491	42	4256100055	Puih	Yên	29/10/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
492	42	4256100004	Phạm Thị	Yên	10/06/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
493	42	4256100023	Siu	Yin	14/12/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
494	42	4256100005	Adrơng H'	Yoan	21/03/2000	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
495	42	4256100018	Nay H'	Yuenh	02/12/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
496	42	4257510180	Dame Ri	Diễm	27/07/2001	Cơ Ho	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
497	42	4257510307	Yong	Đun	26/12/2000	Ba Na	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
498	42	4257510130	Trần Khánh	Huyền	02/09/2001	Ba Na	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
499	42	4257510011	Y	Khinh	23/02/2001	Rơ Ngao	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
500	42	4257510262	Đinh Thị	Loan	07/03/2001	Ba Na	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
501	42	4257510238	Huỳnh Hờ	Nhâm	06/07/1999	Ê đê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
502	42	4257510235	Kpă	Phat	14/02/2001	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
503	42	4257510002	Đinh Thị Mai	Phương	27/04/2001	Hrê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
504	42	4257510343	Y Mi	Ra	07/01/2001	Xơ Đăng	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
505	42	4257510219	Kpuih	Tiền	18/04/2000	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
506	42	4257510008	Siu H'	Trinh	07/07/2001	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
507	42	4254060125	Thẩm Thị Thu	Thảo	30/09/2001	Tày	Quản trị DVDL và lữ hành	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
508	42	4254010126	Rah Lan	Chiến	25/06/2001	Jrai	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
509	42	4254010015	Đinh Thị Thanh	Nhe	26/02/2001	Ba Na	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
510	42	4254010299	Rơ Châm	Oanh	04/02/2001	Jrai	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
511	42	4254010080	Ksor H'	Trân	22/02/2001	Jrai	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
512	42	4254010081	Ksor H'	Wưr	29/06/2001	Jrai	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
513	42	4254070144	Triệu Thị Kim	Duyên	27/09/2001	Tày	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
514	42	4254070020	Vi Thị	Huyền	22/12/2001	Tày	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
515	42	4254070309	Đạo Thị Kim	Nhiều	10/02/2001	Chăm	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
516	42	4254070227	Mai Thị	Quỳnh	05/09/2001	Chăm	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
517	42	4254070308	Mang Thị Kim	Tiến	20/06/2001	Chăm	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
518	42	4254070279	Trần Thị	Thảo	21/06/2001	Hrê	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
519	42	4254050002	Lê Thị Hoài	Thu	12/11/2001	Ha Roi	Tài chính-Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
520	43	4351050961		Chĩnh	15/08/2001	Ba na	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
521	43	4351051186	Rcom Hoàng	Đạt	09/11/2002	Jrai	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
522	43	4351050271	Nay Sa	Ma	28/02/2002	Jrai	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
523	43	4351051293	Rcom	Nik	09/02/2002	Jrai	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
524	43	4351050248	Kpă Siu	Phước	19/12/2001	Jrai	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
525	43	4351050993	Ksơr Y	Quang	02/05/2001	Ê đê	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
526	43	4351051115	Hà Thanh	Sáng	12/06/2002	Thái	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
527	43	4351050320	Phùng Thị	Thuỳ	02/01/2002	Nùng	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
528	43	4351051080	A	Trung	05/08/2002	Ba na	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
529	43	4351051122	Nay	Việc	09/09/2000	Jrai	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
530	43	4354040534	Rơ Lan	Bin	08/03/2001	Jrai	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
531	43	4354040437	Kpuih	Duyên	15/10/2001	Jrai	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
532	43	4354040093	Hồ Thị	Huyền	20/12/2002	Kor	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
533	43	4354040632	Đinh Sa	Lin	10/01/2002	H'rê	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
534	43	4354040696	Kpă H'	Uy	09/11/2002	Jrai	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
535	43	4354030217	Đinh Thị Kim	Trinh	26/04/2002	Ba na	Kinh tế	Kinh tế và Kế toán	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
536	43	4351170064	Y Lâm	Khiên	09/03/2001	Jrai	Kỹ thuật Điện	Kỹ thuật và Công nghệ	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
537	43	4353030052	Rcom H'	Hiếu	01/08/2002	Jrai	Nông học	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
538	43	4352030177	Kpă Minh	Ánh	29/01/2002	Jrai	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
539	43	4352030178	Kpă H'	Bim	11/03/2002	Jrai	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
540	43	4352030158	Đinh Huy	Hoàng	03/08/2002	Ba na	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
541	43	4352030143	Hồ Hữu	Huỳnh	01/07/2001	Ca Dong	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
542	43	4352030187	Nay H'	Kua	03/11/2002	Jrai	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
543	43	4352030215	Ksor	Yin	20/11/1999	Jrai	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
544	43	4352060022	Đinh Thi Thu	Hương	07/11/2002	H'rê	Quản lý TN & MT	Khoa học Tự nhiên	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
545	43	4356080010	Đinh Thị	Hằng	08/06/2002	H'rê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
546	43	4356080067	La Thị	Hiền	24/10/2002	Ba na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
547	43	4356080101	La Mo Thị	Hiệp	22/04/2002	Ba na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
548	43	4356080186	Ksor H'	Iêng	16/10/2001	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
549	43	4356080184	Nay H'	Kiêu	01/05/2002	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
550	43	4356080094	Ksor	Khâm	01/10/2002	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
551	43	4356080057	Rơ Châm	Loan	03/02/2001	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
552	43	4356080074	Đinh Thị Họ	Ly	07/05/2002	H'rê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
553	43	4356080075	Y	Mơ	02/12/2001	Hà Lăng	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
554	43	4356080076	Đinh Thị	Ngâng	04/04/2002	H'rê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
555	43	4356080027	Đinh Thị Minh	Nguyệt	04/01/2001	H'rê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
556	43	4356080012	Ksor H	Ri	20/03/2001	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
557	43	4356080081	Sô Y	Tally	02/10/2002	Ba na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
558	43	4356080042	Phạm Thị	Thuông	30/05/2002	H'rê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
559	43	4356080013	Ksor H'	Vi	01/06/2001	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
560	43	4356080104	Đinh Thị	Vong	09/04/2002	Ba na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
561	43	4356130013	Katơr Thị	Dam	27/06/2000	Ra glai	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
562	43	4356130205	H Xê Phô Ra	Ndu	23/11/2001	M'Nông	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
563	43	4356130164	Rơ Ô H'	Tuế	03/09/2001	Jrai	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
564	43	4356130168	Y Ly	Tra	21/05/2001	KaDong	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
565	43	4356050092	Rah Lan	Biên	05/07/2002	Jrai	Tâm lý học giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
566	43	4356050091	Ksor	Hiếu	09/11/2002	Jrai	Tâm lý học giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
567	43	4356060006	Lê Thị	Điểm	09/01/2002	Nùng	Văn học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
568	43	4356090149	Siu	Hậu	27/02/2002	Jrai	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
569	43	4356090151	Kpă Thanh	Hoài	03/08/2002	Ê đê	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
570	43	4356090067	Kpá Hờ	Nho	05/05/2002	Ê đê	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
571	43	4356120548	Nay H'	Be	23/07/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
572	43	4356120420	Rơ Châm	Bình	11/11/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
573	43	4356120258	Đinh Thị Xuân	Chiến	14/02/2002	H'rê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
574	43	4356120030	Nay	Dinh	15/05/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
575	43	4356120299	A	Dưng	21/06/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
576	43	4356120437	Nay Ksor	Genta	06/01/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
577	43	4356120300	Ksor	Glen	27/02/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
578	43	4356120549	Nay	Hay	02/10/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
579	43	4356120328	Đinh Thị Thanh	Hiền	01/06/2002	H'rê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
580	43	4356120284	Triệu Út	Hoa	20/04/2001	Nùng	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
581	43	4356120305	Đinh Giang	Huỳnh	28/03/2002	Ba na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
582	43	4356120358	Võ Trung	Kiên	08/05/2002	Ba na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
583	43	4356120307	Nay	Lâm	21/11/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
584	43	4356120265	Đinh Thị Mỹ	Lệ	06/09/2002	Ba na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
585	43	4356120295	Phạm Thị	Linh	23/03/2002	H'rê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
586	43	4356120309	Y Hơ	Ly	14/09/2002	Xê Đăng	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
587	43	4356120110	Hiao H'	Mông	08/11/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
588	43	4356120117	Đinh Thị My	Na	20/02/2002	Chăm	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
589	43	4356120481	Thị	Ngọc	09/05/2002	M'Nông	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
590	43	4356120269	Rah Lan H'	Nhì	05/04/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
591	43	4356120573	Kpă H'	Nhiêm	19/09/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
592	43	4356120270	Rơ Mah	Nhih	31/12/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
593	43	4356120486	Huỳnh Thị Tố	Như	01/01/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
594	43	4356120341		Sun	09/03/2002	Ba na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
595	43	4356120524	Đinh Trọng	Tình	15/04/2002	Ba na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
596	43	4356120505	Rah Lan H'	Thảo	13/09/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
597	43	4356120195	Ksor	Thiên	22/02/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
598	43	4356120569	Rmah H'	Trang	19/11/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
599	43	4356120230	Đinh Giang	Trung	30/04/2001	Ba na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
600	43	4356120355	Y	Un	12/03/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
601	43	4356120243	Nay H'	Viên	22/04/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
602	43	4356120287	Rô H'	Vina	16/07/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
603	43	4356120543	Ksor	Vinh	21/10/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
604	43	4356120544	Nay Hà	Vy	02/01/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
605	43	4356120547	Ksor Siu H'	Yem	27/03/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
606	43	4356100225	Rơ Mah	Ban	12/01/2002	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
607	43	4356100201	Rơ Châm H'	Bời	30/05/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
608	43	4356100163	Thao	Chung	25/01/2001	KaDong	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
609	43	4356100234	Y Ph	Dang	21/03/2002	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
610	43	4356100014	Rơ Ô Hờ	Dung	01/08/2000	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
611	43	4356100245	Đinh Hoài	Dừa	12/01/2002	Ba na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
612	43	4356100019	Rơ Mah H'	Hạ	15/09/2002	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
613	43	4356100253	Rmah	Hech	13/06/2002	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
614	43	4356100256	Rơ Lan	Hiền	17/08/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
615	43	4356100018	Siu H'	Hồng	29/04/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
616	43	4356100165	Phạm Thị	Hủa	04/12/2002	H'rê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
617	43	4356100260	Đinh Văn	Hùng	16/04/2002	H'rê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
618	43	4356100184	Trương Tiến	Huy	02/03/2002	Tày	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
619	43	4356100148	Đinh Thị	Huyền	08/07/2002	H'rê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
620	43	4356100262	Y	Hương	25/07/2002	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
621	43	4356100141	Nàng	Lang	27/08/2002	Brau	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
622	43	4356100275	Nay H'	Lành	14/04/2002	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
623	43	4356100122	Y	Lệ	19/08/2002	Dẻ	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
624	43	4356100152	Ksơr Hờ	Linh	05/04/2002	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
625	43	4356100140	H Mila Rơ	Lưk	21/11/2002	M'Nông	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
626	43	4356100123	Phạm Quang	Minh	30/04/2002	H'rê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
627	43	4356100288	Đinh Thị Ly	Na	08/03/2002	Ba na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
628	43	4356100076	Ksor Hờ	Nương	19/03/2002	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
629	43	4356100296	Đinh Thanh	Nguyên	29/03/2002	H'rê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
630	43	4356100153	Đinh Thị Thảo	Nguyên	16/06/2002	H'rê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
631	43	4356100304	Đinh Văn	Nhuân	11/03/2002	Ba na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
632	43	4356100126		Sơn	19/09/2001	Ba na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
633	43	4356100319	Đinh Văn	Sơn	09/04/2001	H'rê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
634	43	4356100349	Rơ Mah	Tuyên	01/01/2002	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
635	43	4356100324	Rơ Châm	Thắm	11/12/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
636	43	4356100326	Ksor	Thế	11/05/2002	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
637	43	4356100330	Phạm Văn	Thiết	15/06/2001	H'rê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
638	43	4356100177	Đinh Thị Y	Trang	03/05/2002	Ba na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
639	43	4356100158	Y	Trang	16/11/2002	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
640	43	4356100099	Cao Thị Mai	Trinh	15/09/2002	Ra glai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
641	43	4356100342	Cao Thị Thu	Trinh	18/04/2002	Ra glai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
642	43	4356100345	Bo Bo Thị Kim	Trúc	23/05/2002	Ra glai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
643	43	4356100159	Đinh Văn	Trung	30/07/2002	H'rê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
644	43	4356100353	Bo Bo Thị Chinh Minh	Út	29/05/2002	Ra glai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
645	43	4356100161	Đinh Thị Roan	Vi	30/08/2002	Ba na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
646	43	4356100130	Đinh Thị	Xoá	12/03/2002	Ba na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
647	43	4356100131	Đinh Thị	Xuyết	16/06/2002	Ba na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
648	43	4356100116	Lê Thị	Yến	26/11/2001	Hà Roi	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
649	43	4357510889	Đinh Thị	Chi	05/07/2002	H'rê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
650	43	4357510906	Đinh Thị Du	Gen	01/04/2002	H'rê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
651	43	4357510806	Y	Khách	13/08/2002	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
652	43	4357510694	Nay H' Đơ	Len	28/07/2002	Ê đê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
653	43	4357510242	Đinh Thị Hoài	Mi	30/03/2002	H'rê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
654	43	4357510809	Đinh Thị	Nhân	01/04/2002	H'rê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
655	43	4357510487	Y	Thuynh	05/08/2001	Ba na	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
656	43	4357511003	Lương Thị Thảo	Trâm	29/10/2002	Tày	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
657	43	4357520257	Hứa Thị Thu	Hà	06/07/2002	Nùng	Ngôn ngữ Trung	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
658	43	4357520275	Cil Riêng Jí	Niêr	02/01/2001	Cơ-ho	Ngôn ngữ Trung	Ngoại ngữ	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
659	43	4354011285	Vi Thị	Hồng	10/02/2002	Tày	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
660	43	4354010285	Hoàng Thị	Loan	12/01/2002	Dao	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
661	43	4354070999	Lương Thị	Hoài	15/02/2002	Nùng	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
662	43	4354070800	Ksơr Hờ	Linh	29/10/2002	Ê đê	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
663	43	4354050180	Rơ Chăm Hờ	Thu	17/03/2002	Ê đê	Tài chính-Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	DT ĐBKK	4.900.000	Giảm 70%	3.430.000	
664	43	4351140129	Nông Văn	Linh	01/09/2002	Nùng	Toán ứng dụng	Toán và Thống kê	DT ĐBKK	5.850.000	Giảm 70%	4.095.000	
665	40	4051050133	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	01/01/1999		Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Con TB 2/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
666	40	4051050021	La Thị Thanh	Thuận	22/05/1999	Chăm	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Cận nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	
667	40	4054040138	Lê Thị Kim	Ngân	25/12/1999		Kế toán	Kinh tế và Kế toán	Con TB 3/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
668	40	4054040084	Y	Sử	01/11/1999	Dẻ	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
669	40	4054040270	Phạm Nguyên Như	Uyên	20/07/1997		Kế toán	Kinh tế và Kế toán	Con TB 3/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
670	40	4051070138	Trương Như	Nghĩa	17/08/1999		KT Điện - Điện tử	Kỹ thuật và Công nghệ	Con TB 4/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
671	40	4052030049	Bling Thị	Bum	15/12/1998	Cơ Tu	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	Con BB 2/3	5.850.000	Miễn	5.850.000	
672	40	4052030036	Trần Nam	Hổ	10/01/1999		Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	Con BB 2/3	5.850.000	Miễn	5.850.000	
673	40	4052030030	R' Ô	Thang	03/01/1998	Jrai	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	Con BB 2/3	5.850.000	Miễn	5.850.000	
674	40	4052030008	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	10/01/1998		Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	Con TB 4/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
675	40	4056080001	Nguyễn Thị	Chanh	28/03/1999		Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Con TB 3/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
676	40	4056080059	Ra Lan Thị Mỹ	Dung	23/11/1999	Ha Roi	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
677	40	4056080014	Nay H'	Đoanh	11/04/1999	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
678	40	4056080061	Bàn Thị Thuý	Linh	13/11/1999	Dao	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
679	40	4056080086	Đoàn Lê Hoài	Linh	10/08/1999	Chăm	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
680	40	4056080013	Hồ Thị	Loan	25/06/1997	Mnông	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
681	40	4056080095	Lô Mô Hờ	Phương	25/11/1999	Ê Đê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
682	40	4056080007	Lai Thị Kim	Tuyết	25/03/1997	Chăm	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
683	40	4056080074	Đào Quốc	Thắng	19/05/1998	Giẻ Triêng	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
684	40	4056080006	Hving H'	Trang	04/09/1998	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
685	40	4056110009	Cơ Lâu	Hiên	20/06/1997	Cơ Tu	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
686	40	4056090060	Trương Thị Ngọc	Phượng	27/10/1999		Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
687	40	4056090132	Zơ Râm	Thín	10/01/1999	Tà Riềng	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
688	40	4056120120	Kpă	Dung	21/04/1997	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
689	40	4056120064	Ksor H'	Lê	16/06/1996	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
690	40	4056120164	Rmah H'	Lúa	29/01/1999	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
691	40	4056120124	Phan Đăng	Lưu	26/02/1995		Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
692	40	4056120043	Huỳnh Thị Minh	Phú	16/05/1999		Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
693	40	4056120162	Hà Xuân	Quang	11/10/1997		Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TB 3/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
694	40	4056120067	Bùi Thị	Tú	22/05/1999		Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
695	40	4056120060	Huỳnh Thị Thu	Trang	12/06/1999	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
696	40	4056100227	Y	Ai	13/07/1998	Xơ Đăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
697	40	4056100214	Lê Trung	Cương	11/09/1999		Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
698	40	4056100111	H'	Chan	04/06/1999	Mnông	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
699	40	4056100182	ZơRâm Thị	Chiên	05/09/1998	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
700	40	4056100225	Huỳnh Thị	Diệu	19/10/1999	Cor	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
701	40	4056100349	Zơ Râm	Dung	16/06/1999	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
702	40	4056100008	Đinh Thị	Đăng	02/01/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
703	40	4056100176	Mấu Thị	Hà	25/03/1999	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
704	40	4056100125	La Xuân	Hải	03/02/1997	Chăm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
705	40	4056100246	So Lan Thị	Hải	19/02/1999	Chăm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
706	40	4056100114	Siu	Hào	28/11/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
707	40	4056100170	Hoàng Thị Lệ	Hậu	19/10/1999	Tày	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
708	40	4056100161	Mai Công	Hậu	21/05/1998	Chăm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
709	40	4056100360	Gia Lức	Hiền	28/05/1997	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
710	40	4056100191	Hồ Văn	Hiếu	18/08/1999	Cor	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
711	40	4056100299	Đinh Thị	Khác	09/07/1997	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
712	40	4056100325	Đinh Văn	Khánh	14/04/1995	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
713	40	4056100115	K'	Khánh	15/06/1996	Mạ	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
714	40	4056100123	Nguyễn Văn	Khánh	16/03/1999	KaDong	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
715	40	4056100108	Phạm Thị	Lan	10/10/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
716	40	4056100309	Phạm Văn	Lim	20/04/1999	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
717	40	4056100126	K'	Luận	02/09/1997	Mạ	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
718	40	4056100258	Siu H'	Luir	11/08/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
719	40	4056100018	Y	May	30/12/1999	Xơrá	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
720	40	4056100122	H'	Mi	23/02/1998	Mạ	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
721	40	4056100226	Đinh Thị	My	07/07/1999	KaDong	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
722	40	4056100289	A	Niêng	20/02/1999	Xơ Đăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
723	40	4056100180	Alăng Thị	Nơ	06/07/1996	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
724	40	4056100076	Cao Thị	Nở	15/07/1999	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
725	40	4056100188	Alăng	Ngui	17/07/1999	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
726	40	4056100265	Đinh Thị	Nhắt	03/01/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
727	40	4056100196	Puih H'	Oanh	21/01/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
728	40	4056100010	Hồ Thị	Phiến	13/10/1999	Co	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
729	40	4056100323	Đinh Thị	Phượng	07/05/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
730	40	4056100302	Puih	Sáu	15/12/1996	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
731	40	4056100119	H'	Sộ	20/01/1998	Mạ	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
732	40	4056100329	Lê Mo Giang	Sơn	19/06/1999	Ha Roi	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
733	40	4056100179	Hồ Sót	Sun	14/05/1999	Cor	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
734	40	4056100333	Alăng	Sương	10/11/1999	Cơ Tu	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
735	40	4056100121	Hồ Thị Cẩm	Tiên	29/09/1999	Cor	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
736	40	4056100149	Rah Lan	Tlêl	20/08/1996	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
737	40	4056100198	Siu	Toàn	10/10/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
738	40	4056100141	Hồ Văn	Tú	13/09/1999	Cor	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
739	40	4056100101	Hồ Văn	Thay	15/09/1997	Vân Kiều	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
740	40	4056100117	Hồ Thị	Thuỷ	03/05/1999	Cor	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
741	40	4056100261	Hồ Thị	Trinh	04/03/1998	Co	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
742	40	4056100146	Kpă Hờ	Trinh	12/03/1996	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
743	40	4056100268	Siu	Vy	10/07/1999	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
744	40	4057510160	Nguyễn Út	Hưng	12/01/1999		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
745	40	4057510001	Nguyễn Thị Ly	Ly	28/06/1999		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
746	40	4057510044	H' Yiêm	Niê	14/04/1999	Ê Đê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
747	40	4057510284	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	15/02/1998		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con TB 1/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
748	40	4057510481	Huỳnh Thị Hài	Nhi	01/01/1994		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
749	40	4057510012	Trần Thị	Tặng	01/08/1999		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
750	40	4057510619	H' Loan Buôn	Yă	09/06/1997	Ê Đê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
751	40	4054010010	Trần Thị Ngọc	Anh	20/01/1998		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
752	40	4054050013	Lê Thanh	Phong	11/04/1999		Tài chính-Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TB 3/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
753	41	4154040206	Trần Văn	Thanh	08/06/2000		Kế toán	Kinh tế và Kế toán	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
754	41	4154030087	Trần Trung	Kỳ	09/02/1996		Kinh tế	Kinh tế và Kế toán	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
755	41	4151170083	Trần Hữu Quốc	Tuấn	05/11/2000		Kỹ thuật Điện	Kỹ thuật và Công nghệ	Con TB 4/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
756	41	4156080030	Tro Thị Kim	Chi	16/02/2000	Ra-glay	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
757	41	4156080056	A	Dạy	30/06/1999	Xơ Đăng	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
758	41	4156080001	Cư Seo	Đại	28/12/2000	Hmông	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
759	41	4156080020	Đoàn Thị Minh	Giang	16/01/2000	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
760	41	4156080053	Y	Hoa	20/06/2000	Triêng	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
761	41	4156080041	Đinh Thị	Kiêng	04/08/1999	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
762	41	4156080051	Đinh Thị Kim	Ngọc	24/04/2000	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
763	41	4156080064	Đinh Văn	Nho	13/07/1999	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
764	41	4156080044	Lê Mô Hờ	Thảo	11/11/2000	Ê Đê	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
765	41	4156080017	Y	Yêng	22/12/2000	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
766	41	4156080063	Rơ Châm H'	Yêm	16/05/2000	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
767	41	4156130025	Lương Quốc	Phú	26/03/2000		Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
768	41	4156090053		Phel	00/00/1999	Ba Na	Việt Nam học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
769	41	4156120044	H' Trang	Ayũn	15/02/2000	Ê Đê	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
770	41	4156120148	Y Hoa	Blan	07/01/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
771	41	4156120006	Hồ Vi	Dân	09/01/2000	Cor	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
772	41	4156120112	Y' Khang	Ja	08/01/2000	Mnông	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
773	41	4156120042	Y	Lê	16/02/2000	Xơrá	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
774	41	4156120048	Đinh Thị	Mách	01/01/2000	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
775	41	4156120165	Đinh Thị Kiều	Mỹ	06/01/2000	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
776	41	4156120150	R'ô	Nin	22/12/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
777	41	4156120119	Đinh Thị	Quỳnh	18/02/2000	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
778	41	4156120055	Siu H'	Riêu	02/03/1999	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
779	41	4156120084	Hoàng Lao	Sỳ	02/09/1998	Hmông	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
780	41	4156120224	Cơ Lâu	Thảo	07/06/1998	Cơ Tu	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
781	41	4156120216	Đinh Triệu	Vi	14/06/2000	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
782	41	4156120153	Đinh Thị	Việt	24/03/2000	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
783	41	4156120069	Đinh Thị Hải	Ý	28/10/2000	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
784	41	4156100098	ALê Y	Bé	14/09/1999	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
785	41	4156100142	H - Uyên	Byă	01/01/1999	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
786	41	4156100139	Un	Đào	11/12/1999	Triêng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
787	41	4156100153	Đinh	Huy	13/10/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
788	41	4156100083	Đinh Thị Song	Hy	22/10/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
789	41	4156100134	Đinh Thị	Lý	28/06/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
790	41	4156100082	Pi Năng Thị Bé	Mèo	06/03/1999	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
791	41	4156100010	H Diêu	Niê	23/03/2000	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
792	41	4156100122	Y Sơn	Niê	25/02/2000	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
793	41	4156100049	Un	Sáu	27/11/1997	Gié Triêng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
794	41	4156100118	Hồ Văn	Sĩ	18/08/2000	KaDong	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
795	41	4156100013	Bo Bo Thị Minh	Sở	03/09/2000	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
796	41	4156100016	Đinh Thị	Tiết	03/01/1999	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
797	41	4156100085	Siu	Thạch	15/04/1998	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
798	41	4156100050	Đinh Thị	Thao	06/08/2000	Hrê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
799	41	4156100086	Y	Thảo	01/01/2000	Xơ Đăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
800	41	4156100141	Ksor H'	Thâm	13/11/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
801	41	4156100023	Rơ Chăm Y	Thoại	30/12/1999	Ê Đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
802	41	4156100087	Nguyễn Hoài	Thương	01/03/1999		Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
803	41	4156100102	Cao Thị	Trinh	10/09/1999	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
804	41	4156100021	Đinh Văn	Trưởng	26/12/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
805	41	4156100017	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	03/04/2000		Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
806	41	4156100104	Rmah H'	Yeng	14/07/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
807	41	4157510255	Rơ Châm	Đao	26/08/1999	Jrai	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
808	41	4157510057	Lê Đoàn Minh	Hoàng	21/03/2000		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
809	41	4157510064	Nguyễn Thị Mỹ	Lợi	01/12/2000		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
810	41	4157510096	H'Cha Ly	Mlô	16/11/2000	Ê Đê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
811	41	4154010084	Võ Thị Thu	Huyền	24/02/2000		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
812	41	4154010276	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	01/05/2000	Ba Na	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
813	41	4154010188	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	31/08/2000		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	KT cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
814	41	4154070245	Lê Thị Bảo	Hà	25/02/2000		Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TB 4/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
815	41	4154070068	Hán Thị Ý	Như	01/05/2000	Chăm	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Cận nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	
816	41	4154050006	Nay H'	Linh	25/08/2000	Jrai	Tài chính-Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
817	41	4154050017	Nguyễn Võ Tường	Vũ	07/05/2000		Tài chính-Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
818	42	4251050029	Lê Thanh	Tùng	15/04/2001		Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Con TB 3/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
819	42	4254040062	Trình Nhật	Huy	07/04/2001		Kế toán	Kinh tế và Kế toán	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
820	42	4254040167	La O Thị	Linh	12/07/2000	Chăm	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
821	42	4254040114	H' Lên	Niê	08/09/1999	Ê đê	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
822	42	4251160035	Huỳnh Ngọc	Đô	07/05/2001		Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật và Công nghệ	Con TB 4/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
823	42	4252030013	Đinh Văn	Tờ	15/05/2001	KaDong	Quản lý đất đai	Khoa học Tự nhiên	Hộ nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	
824	42	4256080008	Ksor H'	Der	28/03/2001	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
825	42	4256080040	H' Thông Lẹ	Rya	16/12/2000	Mnông	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
826	42	4256080022	Đinh Minh	Thiệp	10/03/2000	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
827	42	4256080041		Thơ	15/08/2001	Ba Na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
828	42	4256080033	Cao Thị Kiều	Trình	23/06/2001	Ra-glay	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
829	42	4256130022	Rơ Châm H'	Thu	09/07/2001	Jrai	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
830	42	4256110002	Y Ma Dik	Mlô	16/02/1999	Ê đê	Quản lý Giáo dục	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
831	42	4256120076	Đinh Thị	Duyên	09/10/2001	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
832	42	4256120046	Nguyễn Võ Quốc	Phú	15/10/2001		Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con TB 3/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
833	42	4256120060	Y Ly	Sinh	31/01/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
834	42	4256120047	Đinh Thị	Tuyết	06/04/2001	Ba Na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
835	42	4256120053	Y	Thê	19/10/2001	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
836	42	4256100076	Nay H'	Bốt	30/06/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
837	42	4256100043	Cao Thị	Dĩ	28/02/2000	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
838	42	4256100029	Nguyễn Thị	Hiền	06/03/2001	KaDong	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
839	42	4256100057	Y Hải	Hồng	28/07/2001	Triêng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
840	42	4256100084		Jin	00/00/2000	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
841	42	4256100077	Rơ Ô Hờ	Khiêm	01/12/2001	Ê đê	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
842	42	4256100087	Y	Nam	07/04/2000	Xơ Đăng	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
843	42	4256100040	Mấu Thị	Ngọ	17/12/2001	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Con BB 2/3	4.900.000	Miễn	4.900.000	
844	42	4256100025	H'	Nguyệt	26/03/2001	Mạ	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
845	42	4256100034	Kpă	Nhung	03/08/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
846	42	4256100091	Mai Kim	Túc	26/02/2001	Chăm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
847	42	4256100056	Siu	Tưm	14/04/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
848	42	4256100045	La O	Thay	04/06/1999	Chăm	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
849	42	4256100032	Cao Thị Hồng	Thi	01/01/2001	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
850	42	4256100038	Bo Bo Thị	Trinh	21/05/2001	Ra-glay	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
851	42	4256100047		Viên	00/00/2001	Ba Na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
852	42	4256100052	Triệu Thị	Viên	28/02/2001	Dao	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
853	42	4256100073	A	Xuyên	10/08/2001	Xơ Rá	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
854	42	4257510179	Hoàng Thị Ngọc	Diễm	20/10/2001	Tày	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
855	42	4254060124	Hồ Thị Ngọc	Yến	20/02/2001		Quản trị DVDL và lữ hành	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TB 4/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
856	42	4254010057	Phạm Thị	Diệu	11/04/2001		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
857	42	4254010207	Liễu Thị	Luyến	19/01/2001	Nùng	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
858	42	4254010308	Nguyễn Hoàng Như	Ngọc	22/11/2000		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
859	42	4254070113	Cao Minh	Dận	10/02/2000	Ra-glay	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Hộ nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	
860	42	4254070217	Đinh Văn	Tùng	14/08/2001	Ba Na	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Hộ nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	
861	42	4254070278	Đinh Thị Kiều	Thảo	19/12/2001	Ba Na	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Hộ nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
862	43	4351051091	Rơ Mah	Chương	20/08/2001	Jrai	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Cận nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	
863	43	4351050073	Kpá Y	Hào	07/06/2001	Hà Roi	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Cận nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	
864	43	4351050985	Rmah H'	Ngok	20/09/2002	Jrai	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Cận nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	
865	43	4354040528		Vũ	19/12/2001	Ba na	Kế toán	Kinh tế và Kế toán	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
866	43	4354040386	Đỗ Hải	Yến	03/10/2002		Kế toán	Kinh tế và Kế toán	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
867	43	4351180010	Lê Văn	Chiến	05/04/2002		KT Điện tử - VT	Kỹ thuật và Công nghệ	Con TB 4/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
868	43	4351200121	Nguyễn Gia	Huy	23/05/2002		KT Điều khiển và TĐH	Kỹ thuật và Công nghệ	Con TB 4/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
869	43	4351160307	Lê Thiệu	Nhâm	25/08/2002		Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật và Công nghệ	Con TB 1/4	5.850.000	Miễn	5.850.000	
870	43	4352060005	Nguyễn Thị Bích	Chi	08/03/2001		Quản lý TN & MT	Khoa học Tự nhiên	KT cận nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	
871	43	4356080124	Đinh Xuân	Cùng	22/02/2001	Ba na	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
872	43	4356080080	Đào Văn	Sĩ	18/01/2000		Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Con TB 2/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
873	43	4356080111	Ksor H'	Tuý	25/05/2002	Jrai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
874	43	4356080164	Bo Bo Thị Minh	Thi	18/02/2002	Ra glai	Công tác xã hội	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
875	43	4356130131	Kiều Hoa	Tươi	17/09/2002	Chăm	Đông phương học	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
876	43	4356120575	Rmah	Tiêng	15/07/2002	Jrai	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
877	43	4356120314	Đinh Thị	Thưng	25/06/2002	Ba na	Luật	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
878	43	4356100183	Siu	Blươi	07/08/2002	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
879	43	4356100199	Siu	Ngâm	16/08/2001	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
880	43	4356100078	Cao Thị Bích	Phụng	06/05/2002	Ra glai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
881	43	4356100318	Rơ Lan	Sang	21/11/2000	Jrai	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
882	43	4356100107		Vi	23/03/2002	Ba na	Quản lý Nhà nước	Lý luận chính trị-Luật và QLNN	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
883	43	4357511049	H Hiếu	Byă	18/02/2002	Ê đê	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
884	43	4357510812	Y	Thâm	29/07/2001	Ba na	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
885	43	4357510444	Nguyễn Thị Út	Thêm	01/06/2002		Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
886	43	4357510480	Đinh Thị	Thuý	01/01/1999	Chăm	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
887	43	4357510462	Jang Thị	Thư	26/10/2002	M'Nông	Ngôn ngữ Anh	Ngoại ngữ	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
888	43	4354010031	Nguyễn Thanh	Cao	17/08/2002		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
889	43	4354011130	Hán Thị	Hoa	08/03/2002	Chăm	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
890	43	4354011131	Siu	Kiều	15/08/2001	Jrai	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	

STT	Khoá	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	DT	Ngành học	Khoa	Đối tượng	Mức học phí	Mức miễn,giảm	Số tiền miễn,giảm	Ghi chú
891	43	4354011325	Rơ Mah	Mên	01/01/2001	Jrai	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Cận nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
892	43	4354010925	Trương Hồng	Thảo	23/01/2002		Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Con TB 4/4	4.900.000	Miễn	4.900.000	
893	43	4354011058	Bùi Thị Kim	Thuý	18/03/2002	Mường	Quản trị kinh doanh	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Hộ nghèo	4.900.000	Miễn	4.900.000	
894	43	4354070255	Mai Thị Kim	Loan	09/10/2002	Chăm	Quản trị khách sạn	Tài chính-Ngân hàng và QTKD	Cận nghèo	5.850.000	Miễn	5.850.000	

Ấn định danh sách này gồm có 894 sinh viên

Tổng số tiền miễn, giảm: **3.446.290.000đ**

(Ba tỉ bốn trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn)

Bình Định, ngày 14 tháng 5 năm 2021

Người lập danh sách

Nguyễn Thành Dũng

TP. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ - SINH VIÊN

TS. Hồ Văn Phi

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ